TÒA ÁN N DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 20 - 6 - 2025
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ Đ - TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm N dân:

1.Ông Mai Phú;

2.Bà Mai Lương Anh.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Toà án N dân thành phố Đ - tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Đ - tỉnh L *tham gia phiên tòa*: Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án N dân thành phố Đ, tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn N gia đình thụ lý số: 861/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: hẻm 27, đường L, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

Bị đơn: Anh Dương Phạm Văn N, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: hẻm 27, đường L, Phường D, thành phố Đ, tỉnh L.

Địa chỉ hiện nay: Số 91/2 (số cũ 41/1), đường Huyền Công Chúa, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ thì: Chị và anh Dương Phạm Văn N kết hôn vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân Phường 4, thành phố Đ trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống với gia đình chị tại hẻm 27, đường Lê Hồng Phong, Phường 4, thành phố Đ. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên N do vợ chồng không hòa hợp với nhau và bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với vợ con và đánh đập chị, vào năm 2024 chị đã từng gửi đơn ly hôn, nhưng do anh Nhận tha thiết yêu cầu chị quay về đoàn tụ nên chị đã rút đơn để cho anh N cơ hội thay đổi, nhưng sau khi chị rút đơn về cho đến nay anh N vẫn chứng nào tật đó, hoàn toàn không thay đổi gì, hiện nay anh N đã chuyển ra nhà trọ sống và vợ chồng chị đã sống ly thân. Nay chị Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên xin được giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Dương Nhật Minh, sinh ngày 31/3/2020. Hiện nay con đang sống cùng chị, ly hôn chị có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận. Về tài sản chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh N để tiến hành tiếp cận chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt nên việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, chị Đ xác định hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung chị Đ có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Nhật M, sinh ngày 31/3/2020 và việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Đ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên toà sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên toà, đương sự vắng mặt đã được tống đạt thủ tục đầy đủ đúng quy định. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh N; về con chung: Giao con chung

Dương Nhật M, sinh ngày 31/3/2020 cho chị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành, việc cấp dưỡng hai bên tự thỏa thuận nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung chị Đ xác định không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa Nguyễn Thị Đ và anh Dương Phạm Văn N kết hôn với nhau vào năm 2019, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh N, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn anh N hiện cư trú tại Phường 4, thành phố Đ, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án N dân thành phố Đ, tỉnh L có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Dương Phạm Văn N đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tham gia phiên tòa hôm nay nhưng vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn N: Chị Đ và anh N kết hôn với nhau năm 2019 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân Phường 4, thành phố Đ. Theo trình bày của chị Đ thì vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên N do vợ chồng không hòa hợp với nhau và bất đồng quan điểm sống, anh N thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với vợ con và đánh đập chị; hiện vợ chồng đã sống ly thân. Trong quá trình tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập hợp lệ anh N đến để hòa giải, nhưng anh N không có mặt cũng chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh N đã trầm trọng, cuộc sống hôn N không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn N không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn N và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Đ và anh N được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: Chị Đ xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Nhật M, sinh ngày 31/3/2020, hiện đang sống cùng chị Đ. Quá trình giải quyết vụ án chị Đ có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi

thành niên; xét thấy cháu Minh còn nhỏ, hiện đang sống cùng chị Đ, nên cần tiếp tục giao con chung Dương Nhật M, sinh ngày 31/3/2020 cho chị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn N và Gia đình năm 2014 là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị Đ không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Chị Đ xác định không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn N và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn anh Dương Phạm Văn N.

Xử:

1/Về quan hệ hôn N: Cho chị Nguyễn Thị Đ và anh Dương Phạm Văn N được ly hôn.

2/Về con chung: Giao con chung Dương Nhật M, sinh ngày 31/3/2020 cho chị Đ được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn N và gia đình.

3/Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số

0001551 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ, chị Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2025). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15*(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án N dân tỉnh L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- UBND Phường 4, thành phố Đ ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trần Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Phú **Mai Lương Anh** **Trần Thị Lan**